

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẠC SƠN  
TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 06-01-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN- TỈNH HOÀ BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Lê Thị Hồng.

*Hội Thẩm Nhân Dân:* ông Bùi Văn Ôn; ông Bùi Văn Thiệu.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Bùi Văn Hường- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn - tỉnh Hoà Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hoà Bình tham gia phiên tòa:** ông Lê Xuân Trường- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình. Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hoà Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 11/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/11/2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/12/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị N, sinh năm 2000; Cư trú: xóm Đồi, xã Văn Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình. Vắng mặt;

- Bị đơn: Bùi Văn Q, sinh năm 1996. Cư trú: xóm Đồi, xã Văn Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình. Hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở Cai nghiện ma túy số 4 Hà Nội - Địa chỉ: xã Yên Bài - huyện Ba Vì – thành phố Hà Nội. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn ly hôn và các lời khai của mình, nguyên đơn chị Bùi Thị N trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn Q kết hôn với nhau tháng 03/2018 trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã Văn Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình. Quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa do anh Q ham chơi và bị bạn bè lôi kéo vào con đường nghiện ma túy. Dù chị và gia đình đã hết lời khuyên can nhưng anh Q không thay đổi. Anh Q hiện

đang cai nghiện ma túy bắt buộc tại Đội 1- Cơ sở Cai nghiện ma túy số 4 Hà Nội - Địa chỉ: xã Yên Bài - huyện Ba Vì - thành phố Hà Nội. Nay chị không còn tình cảm và hy vọng vào cuộc hôn nhân với anh Q nên chị xin ly hôn để giải phóng cho cả hai và ổn định cuộc sống.

2. Về con chung: Anh Q và chị N có 01 con chung là Bùi Phương T, sinh ngày 17/06/2019 khi ly hôn chị N xin được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Vì hiện cháu T đang tạm thời sống với ông bà nội trong thời gian Tòa án giải Q ly hôn. Do cháu T còn nhỏ cần được sự quan T chăm sóc của mẹ nhưng mỗi lần chị N về thăm con không được ông bà nội tạo điều kiện, thậm trí ngăn cản; anh Q đang trong thời gian cai nghiện ma túy bắt buộc nên. Chị N chưa yêu cầu anh Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với chị do anh Q chưa có điều kiện kinh tế và hiện nhu cầu của cháu T chưa lớn nên chị N hoàn toàn có thể đáp ứng được đầy đủ. Chị N sẽ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con bằng một vụ án khác khi anh Q có đủ khả năng và nhu cầu của con thật sự cần thiết.

3. Về tài sản; Công nợ chung: chị N khai không có nên không yêu cầu giải Q.

Ngoài ra chị N không có yêu cầu gì thêm.

***Anh Q hiện đang trong thời gian cai nghiện ma túy bắt buộc nhưng có lời khai chi tiết thể hiện ý kiến của mình về việc giải Q vụ án như sau:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Q thừa nhận quan hệ hôn nhân và tình trạng có mâu thuẫn trong hôn nhân giữa anh và chị N. Tuy nhiên mâu thuẫn giữa anh chị là chưa trầm trọng, lý do của mâu thuẫn trên là do anh nghiện ma túy và đôi khi chưa quan T đến gia đình. Anh Q nhận thấy vẫn còn tình cảm với chị N nên anh không nhất trí ly hôn.

2. Về con chung: Anh Q thừa nhận anh và chị N có 01 con chung là Bùi Phương T, sinh ngày 17/06/2019. Hiện nay cháu T đang ở với mẹ. Do anh Q đang trong thời gian cai nghiện ma túy bắt buộc nên khi ly hôn anh đề nghị giao cháu T cho ông bà nội của cháu T (bố mẹ đẻ của anh Q) trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và yêu cầu chị N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với anh Q.

3. Về tài sản; Công nợ chung: anh Q thừa nhận không có nên không yêu cầu giải Q.

Phát biểu quan điểm tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình công nhận việc chấp hành đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX và đương sự từ khi thụ lý đến trước khi HĐXX nghị án. Về việc giải Q vụ án Kiểm sát viên đề nghị như sau:

Về tố tụng: Anh Q hiện đang cai nghiện ma túy bắt buộc tại Đội 1- Cơ sở Cai nghiện ma túy số 4 Hà Nội - Địa chỉ: xã Yên Bài - huyện Ba Vì - thành phố Hà Nội nhưng đã có lời khai chi tiết và có đơn đề nghị giải Q và xét xử vắng mặt. Chị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, HĐXX tiến hành xét xử

vắng mặt anh Q, chị N là có cơ sở theo qui định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Xác định mâu thuẫn giữa chị N và anh Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh Q là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật HN&GD năm 2014.

Về con chung: Anh Q đang cai nghiện bắt buộc, chị N có đầy đủ điều kiện nuôi con. Xét yêu cầu của chị N là phù hợp các Điều 58; 81; 82; 83; 84 Luật HN&GD năm 2014 nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về tài sản; công nợ chung: chị N, anh Q khai nhận không có nên không yêu cầu giải Q. Do vậy, đề nghị HĐXX không đề cập giải Q trong vụ án.

Ngoài ra không ai có ý kiến gì thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn Bùi Văn Q có nơi cư trú tại xóm Đồi, xã Văn Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình nên theo qui định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải Q tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Về việc vắng mặt của chị Bùi Thị N và anh Bùi Văn Q: anh Q vắng mặt tại phiên tòa do đang cai nghiện ma túy bắt buộc tại Đội 1- Cơ sở Cai nghiện ma túy số 4 Hà Nội - Địa chỉ: xã Yên Bài - huyện Ba Vì - thành phố Hà Nội và có đơn đề nghị giải Q và xét xử vắng mặt; Chị N vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo qui định tại điểm khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh Q, chị N theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quá trình thu thập chứng cứ giải Q vụ án HĐXX xét thấy:

Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh Q là hợp pháp. Cuộc sống chung vợ chồng thực sự có mâu thuẫn do anh Q nghiện ma túy dù đã được chị N và gia đình đồng viên, khuyên nhủ nhưng anh Q không thay đổi, hai bên không thể tìm được tiếng nói chung. Hiện anh Q đang cai nghiện ma túy bắt buộc tại Đội 1- Cơ sở Cai nghiện ma túy số 4 Hà Nội - Địa chỉ: xã Yên Bài - huyện Ba Vì - thành phố Hà Nội.

Từ những nhận định trên thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh Q là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật HN&GD năm 2014.

[3]. Về con chung: chị N và anh Q có 01 con chung là Bùi Phương T, sinh ngày 17/06/2019. Hiện nay cháu T đang tạm thời sống với ông bà nội trong thời gian Tòa án giải Q ly hôn; anh Q đang trong thời gian cai nghiện ma túy bắt buộc nên khi ly hôn chị N đề nghị được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Anh Q đề nghị giao cháu T cho ông bà nội của cháu T (bố mẹ đẻ của anh Q) trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T và yêu cầu chị N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với anh Q.

Quá trình xác minh tại địa phương, chị N có đầy đủ điều kiện nuôi con. Xét quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, điều kiện thực tế và nguyện vọng của đương sự thấy cần giao cháu T cho chị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp các Điều 58; 81; 82; 83; 84 Luật HN&GD năm 2014.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải Q vụ án, chị N chưa yêu cầu anh Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với chị. Chị N sẽ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con bằng một vụ án khác khi anh Q có đủ điều kiện và nhu cầu của con thật sự cần thiết. Anh Q yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con với anh. Xét điều kiện thực tế của các bên đương sự; Căn cứ các Điều 82; 83; 84 Luật HN&GD năm 2014 HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị N; Không chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh Q đối với chị N là phù hợp.

[4] Về tài sản; công nợ chung: chị N, anh Q khai nhận không có và không yêu cầu giải Q nên HĐXX không đề cập giải Q trong vụ án.

[5]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Q số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên:*

### **Q ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Điều 51; khoản 1 Điều 56; 58; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị Q số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị N về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với anh Bùi Văn Q.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* chị Bùi Thị N được ly hôn anh Bùi Văn Q;

2. *Về con chung:* Giao con chung là Bùi Phương T, sinh ngày 17/06/2019 cho chị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục từ tháng 01/2023 trở đi cho đến

khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Chị N chưa yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn pháp luật vẫn bảo hộ các quyền của cha mẹ với con chưa thành niên (quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở; quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con). Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về tài sản; Công nợ chung*: Không có và không yêu cầu giải Q.

4. *Về án phí*: Chị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ 300.000đ tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004413 ngày 11/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, nay chị N không phải nộp án phí nữa.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án hoặc trích lục án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai theo qui định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHA huyện Lạc sơn;
- UBND Văn Nghĩa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng

